

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI NHẪM GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

Mai Ngọc Cường\*

*Bài viết đề cập đến những bất cập trong lĩnh vực xã hội như thu nhập, phân hóa giàu nghèo, an sinh xã hội, việc làm, cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ cá nhân, chính sách đối với người có công đang cần trở chủ trương giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo tinh thần văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ XI.*

**Từ khóa:** Thu nhập, phân hóa giàu nghèo, an sinh xã hội, việc làm, dịch vụ xã hội cơ bản, dịch vụ cá nhân, chính sách người có công.

## Đặt vấn đề:

Một trong những chủ trương quan trọng của Đại hội Đảng lần thứ XI là “chú trọng và xử lý tốt các mối quan hệ lớn”, trong đó có “quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”. Thực hiện chủ trương này, những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành những cơ chế, chính sách và luật pháp để một mặt thúc đẩy phát triển kinh tế, mặt khác điều chỉnh các quan hệ xã hội theo hướng tăng phúc lợi, đảm bảo công bằng và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội cho mỗi người dân. Tuy nhiên đến nay, nhiều vấn đề xã hội vẫn còn bất cập. Bài viết này làm rõ một số bất cập, nguyên nhân và đưa ra một số khuyến nghị giải quyết vấn đề xã hội nhằm đưa các chủ trương của Đại hội XI vào thực tiễn cuộc sống trong những năm tới.

## 1. Thực trạng các vấn đề xã hội ở nước ta hiện nay

Ở nước ta, từ sau đổi mới, các vấn đề xã hội đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Đặc biệt tại Hội nghị Trung ương 5 (Khóa XI) vấn đề Chính sách xã hội (CSXH) được đưa vào chương trình nghị sự một cách đồng bộ bao gồm những vấn đề về chính sách đối với người có công; chính sách việc làm, thu nhập, giảm nghèo; chính sách bảo hiểm xã hội

(BHXH), trợ giúp xã hội (TGXH); chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin. Tuy nhiên, xem xét cụ thể từng chính sách thì các giá trị-mục tiêu của hệ thống CSXH là phúc lợi, công bằng và hòa nhập xã hội, (Mai Ngọc Cường, 2013a) mới đạt được ở mức độ thấp và còn nhiều yếu kém, bất cập. Có thể nêu khái quát những yếu kém, bất cập của một số vấn đề xã hội chủ yếu như sau:

**Thứ nhất, thu nhập, giảm nghèo và an sinh xã hội còn nhiều bất cập.** Qua gần 10 năm thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Kết luận của Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) và Hội nghị Trung ương 6 (khóa X), tuy có đạt được một số kết quả bước đầu nhưng nhìn chung chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Cụ thể là tiền lương vẫn chưa được trả đúng, trả đủ so với giá trị sức lao động trong mọi khu vực. Mức lương tối thiểu hiện nay vẫn chưa bảo đảm nhu cầu tối thiểu. Chính sách tiền lương lạc hậu và đã từ lâu bộc lộ nhiều bất cập nhưng không được cải cách.

Tình trạng tiền lương thấp nhưng thu nhập cao của công chức hành chính đang làm tăng tiêu cực xã hội, là một trong những nguyên nhân của nạn tham nhũng trong xã hội (Xem Hộp 1).



### HỘP 1. Nhận dạng thu nhập thêm ngoài lương và hậu quả của nó

Theo Nguyễn Hữu Dũng, có hai loại thu nhập thêm, ngoài tiền lương một loại là thu nhập thêm không chính thống nhưng chính đáng và một loại là không chính đáng.

Đối với thu nhập thêm không chính thống nhưng chính đáng, có 4 loại chủ yếu là: 1) Thu nhập từ một số khoản chi công vụ theo định mức và thực hiện khoán cho công chức như điện, điện thoại, xe công nếu có tiêu chuẩn; 2) Thu nhập từ khoản hỗ trợ ăn trưa của cơ quan; 3) Thu nhập từ “phong bì” hội nghị, hội thảo; 4) Thu nhập từ chủ trì xây dựng đề án, chính sách, pháp luật của các công chức hành chính nhưng có chuyên môn giỏi”. Ngoài ra còn có một số khoản thu nhập không chính thống nhưng chính đáng như thu nhập từ các khoản cần thiết để tiền tệ hóa tiền lương và tính đúng tính đủ chi phí cho công chức được đưa vào tiền lương như tiền thuê nhà ở, tiền xăng xe đi lại, ...

Về thu nhập ngoài lương không chính đáng của CCHC có 6 khoản chủ yếu là: 1) Thu nhập từ được biểu xén trong quan hệ thực thi công vụ; 2) Thu nhập từ cơ chế xin-cho trong thực thi công vụ; 3) Thu nhập từ cơ chế ăn chia trong thực thi công vụ; 4) Thu nhập tự hợp pháp hóa các khoản chi cho các hoạt động công vụ theo quy định của Nhà nước từ nguồn NSNN (hợp pháp hóa chứng từ); 5) Thu nhập từ tạo “sân sau” trong thực thi công vụ thông qua hình thành mối liên kết giữa thực thi công vụ và khu vực thị trường; và 6) Thu nhập tạo nguồn cho thuê mặt bằng, từ đóng góp của các doanh nghiệp trực thuộc (bộ chủ quản) và các hoạt động phải đóng góp khác. Nhìn chung các khoản thu nhập dạng này diễn biến rất phức tạp muôn hình vạn trạng và tạo thành “thu nhập ngầm”, về thực chất là các dạng tham nhũng của CCHC khi có quyền lực trong tay. (Dũng, N.H. 2010).

Cũng nói về dạng thu nhập thêm không chính đáng này, Vũ Quốc Tuấn chỉ ra các dạng cụ thể chủ yếu là: 1) Những người có quyền cho chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp đất, cho thuê đất; họ còn lợi dụng quyền lực để cấp đất cho bản thân mình, cho người trong gia đình; dùng đất để ngoại giao, biểu cấp trên. 2) Những người có quyền phê duyệt các loại dự án, nhất là dự án đầu tư (kể cả trong kinh tế và trong văn hóa); có quyền sử dụng vốn ODA, họ được hưởng “lại quả”, thường có đường dây “chạy dự án”. 3) Những người có quyền chỉ định ngân hàng cho vay tiền đối với doanh nghiệp hoặc dự án, có quyền cho khoan nợ, giãn nợ, chuyển nợ thành vốn nhà nước cấp; đương sự cần trả “hoa hồng” tùy theo số tiền nhận được. 4) Những người có quyền quy định mức thuế mà cá nhân hoặc doanh nghiệp phải nộp, nhiều trường hợp thoái thu tiền thuế rất khó khăn, cần “lót tay”; 5) Những người có quyền xử phạt những lỗi hành chính vi phạm trong kinh doanh, trong giao thông, vận tải (quản lý thị trường, cảnh sát giao thông, trật tự đô thị, ...) có nhiều trường hợp “cưa đôi” ngay tại địa điểm xử phạt. 6) Những người có quyền bổ nhiệm, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức, dẫn đến tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, hoặc có người can thiệp vào công việc xét xử của tòa án dẫn đến tình trạng “chạy án”, “chạy tù”, “chạy tội”, ...

Tác hại của nó là 1) làm tha hóa một số cán bộ công chức trong bộ máy nhà nước, coi việc vào bộ máy nhà nước là cơ hội để kiếm chác, vơ vét, là cơ hội để những nhiều, hạch sách dân và doanh nghiệp. 2) trong tình hình ấy, bộ máy nhà nước không thể quy tụ được những người có tài năng, trí tuệ, toàn tâm toàn ý, bảo đảm cho bộ máy nhà nước đủ sức thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành đất nước; và 3) tổn thất lớn nhất là dân và doanh nghiệp mất lòng tin vào bộ máy nhà nước.

Nguồn: Nguyễn Hữu Dũng, 2010; Vũ Quốc Tuấn, 2010

Tiền lương cho người công nhân làm việc trong các khu công nghiệp chỉ mới đủ trang trải cho chi tiêu hạn hẹp hàng ngày, chưa đảm bảo cho họ có thể có được cuộc sống bình thường khi họ nghỉ hưu. Thu nhập của nông dân còn rất thấp; đời sống người dân nông thôn rất khó khăn. (Mai Ngọc Cường, 2013a).

Giảm nghèo mặc dù đạt được những kết quả ấn tượng nhưng thiếu vững chắc, tỷ lệ hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao, đặc biệt là khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung làm cho đời sống của người dân khu vực này còn gặp nhiều khó khăn

(Tổng cục Thống kê, 2012). Giảm nghèo không bền vững. Đến năm 2011, số hộ nghèo trên cả nước đã tăng lên 1 triệu hộ, tức tăng 50% sau khi mức chuẩn nghèo được điều chỉnh từ mức thu nhập 200 ngàn đồng/người/tháng lên 400 ngàn đồng/người/tháng với khu vực nông thôn và 260 ngàn đồng/người/tháng lên 500 ngàn đồng/người/tháng cho khu vực thành thị (Đề thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, 2012).

Phân hóa giàu nghèo ngày càng diễn ra sâu sắc. Tách biệt xã hội về kinh tế ngày càng gia tăng. Nếu khoảng cách thu nhập giữa nhóm có thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất năm 2002 là 8,1 lần, thì đến năm 2010 tăng lên là 9,23 lần (TCTK). Tại Hà Nội, chênh lệch giữa người có tiền lương cao nhất so với trung bình là 42 lần (75,2 triệu đồng/tháng so với mức bình quân 1,8 triệu đồng/tháng). Tại Thành phố Hồ Chí Minh con số này lên đến 109 lần (240 triệu đồng/tháng so với 2,2 triệu đồng/tháng (Đề thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, 2012). Năm 2012 Số người Việt gia nhập câu lạc bộ siêu giàu là 195 người với tổng tài sản 20 tỷ USD (Đề thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, 2012); trong khi đó, năm 2010, vẫn có hơn 17 triệu dân Việt Nam sống trong cảnh nghèo đói, thiếu thốn trăm bề với thu nhập bình quân là 369.300 đồng/tháng hay 12.310 đồng/ngày (TCTK).

Mặc dù có nhiều cơ chế, chính sách đã ban hành về ASXH, nhưng số người tham gia BHXH còn thấp xa so với số người trong độ tuổi lao động. Đến tháng 7 năm 2013 cả nước có 10,56 triệu người tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc (BHXHBB) và 151.000 người tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện (BHXHTN), tức là có 10,711 triệu người tham gia BHXH nói chung. Nếu so với 51,7 triệu người lao động có việc làm năm 2013 thì tỷ lệ tham gia BHXH của nước ta đạt 20,7%, Như vậy còn gần 80% lao động chưa được BHXH (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2013). Nhìn chung, mức bao phủ, nhất là với đối tượng tham gia BHXH và BHYTTN là nông dân và khu vực phi chính thức khó có tính khả thi; mức tác động của ASXH còn thấp, người về hưu hưởng lương BHXH chỉ đủ để đảm bảo cuộc sống thường nhật, khi đối mặt với ốm đau bệnh tật, nhất là bệnh hiểm nghèo thì đành phải bó tay, phó mặc cho số phận; tài chính ASXH chưa vững chắc, chủ

yếu dựa vào NSNN; chênh lệch về chi số ASXH giữa miền núi, vùng đồng bào dân tộc với mức trung bình của cả nước còn rất lớn.

**Thứ hai, việc làm cho người lao động mặc dù đã được quan tâm và có nhiều thành tựu nhưng đến nay vẫn chưa bền vững.** Tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn có xu hướng gia tăng, lao động chủ yếu còn làm việc trong khu vực nông nghiệp; Chính sách việc làm hiện nay chủ yếu mới chú trọng đến tạo việc làm theo chiều rộng, chủ yếu là lao động phổ thông, chưa chú trọng đến chất lượng chiều sâu, tỷ trọng lao động qua đào tạo, lao động kỹ thuật còn thấp trong cơ cấu trình độ lao động. Điều tra 295 lao động tại các khu công nghiệp ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng năm 2012 cho thấy, lao động chưa qua đào tạo chiếm tới 80% (Mai Ngọc Cường, 2013b). Tại Hải Phòng, điều tra 206 người lao động nông thôn cho thấy, tỷ lệ chưa qua đào tạo là 88% (Phạm Minh Đức, 2012). Với tình trạng chất lượng nguồn nhân lực như thế, một trong những trọng tâm mà Đại hội XI đặt ra là “nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc CNH, HĐH, hội nhập quốc tế của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011) là không thực hiện được.

**Thứ ba, việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ cá nhân cho nhân dân còn nhiều hạn chế.** Bộ phận lớn dân cư nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số, người lao động khu vực phi chính thức, phần lớn công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế chưa được thụ hưởng mức tối thiểu về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường. Y tế tuyến cơ sở nhiều nơi còn yếu; nguy cơ bùng phát dịch bệnh lớn; vệ sinh an toàn thực phẩm chưa bảo đảm. (Mai Ngọc Cường, 2013a).

Phúc lợi xã hội cho trẻ em tuy đã từng bước được hoàn thiện, song nhiều nhu cầu bức xúc vẫn chưa được đáp ứng, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khuyết tật nặng, trẻ em nghèo, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em vùng núi, vùng sâu, vùng xa, trẻ em là người di dân tạm thời, làm việc trong khu vực phi chính thức ở thành phố, con em những người di dân làm việc ở các khu công nghiệp và những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác (Mai Ngọc Cường, 2013a).



Mức độ thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi (NCT) còn thấp so với nhu cầu cuộc sống, kể từ mức lương hưu, đến mức trợ cấp sinh hoạt phí của Nhà nước cho chăm sóc NCT thuộc đối tượng trợ giúp xã hội cũng như mức trợ cấp cho đối tượng ưu đãi xã hội, làm cho đời sống vật chất và tinh thần cũng như sử dụng các dịch vụ chăm sóc xã hội của NCT còn khó khăn, đặc biệt là NCT ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc. Chất lượng các dịch vụ xã hội chăm sóc người cao tuổi (DVXHCSNCT) chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng hưởng thụ, đặc biệt là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc. Phạm vi bao phủ chính sách DVXHCSNCT còn thấp, nhất là với đối tượng NCT khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc, cơ hội sử dụng DVXHCSNCT rất hạn hẹp (Mai Ngọc Cường, 2013a).

**Thứ tư, chính sách ưu đãi người có công vẫn còn hạn chế.** Mức trợ cấp ưu đãi hàng tháng người có công tuy đã được điều chỉnh tăng cao hơn tiền lương và các địa phương đã huy động thêm các nguồn bổ sung nhưng vẫn thấp so với mức bình quân tiêu dùng của xã hội. Đời sống của một bộ phận người có công còn khó khăn (Mai Ngọc Cường, 2013a).

Nhìn chung, so sánh với mục tiêu xã hội của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Công sản Việt Nam là “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học công nghệ và kinh tế tri thức. Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân”; và so với các chỉ tiêu cụ thể như “tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động; Thu nhập của người dân nông thôn tăng lên 1,8-2 lần so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo chuẩn mới giảm 2% mỗi năm...” thì nhiều mục tiêu và chỉ tiêu còn phải nỗ lực rất lớn mới đạt được. Hậu quả là các giá trị- mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phồn thịnh, công bằng và văn minh không thực hiện được. Tách biệt xã hội ngày càng

lớn; phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng. Mối quan hệ lớn “giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội” nhìn chung chưa được xử lý và giải quyết tốt như chủ trương và mong muốn của Đại hội Đảng lần thứ XI.

## 2. Nguyên nhân của những hạn chế

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, yếu kém trên đây. Về khách quan, là do nước ta vẫn còn nghèo; hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề, thiên tai xảy ra thường xuyên, gây thiệt hại lớn, những năm gần đây còn chịu tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới khá nặng nề và kéo dài.

Song về mặt chủ quan là do công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chông chéo; quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế không chú ý đầy đủ đến phát triển xã hội; năng lực và trách nhiệm của bộ máy quản lý và đội ngũ cán bộ quản lý hành chính còn thấp. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhiều nơi chưa được coi trọng.

Nhận thức của các cấp các ngành còn chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của hệ thống CSXH, dẫn đến chưa quan tâm đúng mức đến việc ban hành chính sách, pháp luật về xã hội. Thực tế việc ban hành và đổi mới CSXH chậm hơn so với chính sách kinh tế; đồng thời chưa có các giải pháp hữu hiệu để thu hẹp khoảng cách về phúc lợi và dịch vụ xã hội giữa các vùng, miền, giữa các đối tượng để tạo cơ hội cho người dân được hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng.

Nguồn lực cho thực hiện các chính sách xã hội còn hạn hẹp, vẫn dựa chủ yếu vào NSNN, chưa thu hút được nhiều sự tham gia của xã hội; phương thức sử dụng nguồn lực CSXH còn chưa phù hợp; hiệu quả sử dụng nguồn lực của Nhà nước và xã hội chưa cao, còn phân tán, manh mún và dàn trải.

## 3. Một số khuyến nghị

Để thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững nền kinh tế nước ta những năm tới, chúng tôi cho rằng cần giải quyết tốt những vấn đề sau đây:

**Thứ nhất,** nhận thức lại cho đúng đắn vị trí, vai trò của hệ thống CSXH trong hệ thống các chính sách của đất nước.

Chính sách xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với

chính sách kinh tế. Trong mối quan hệ này chính sách kinh tế là quyết định theo nghĩa có phát triển kinh tế mới có cơ sở vật chất để giải quyết vấn đề xã hội. Song xét theo một khía cạnh khác, CSXH cũng có tác động quyết định đối với chính sách kinh tế, bởi lẽ CSXH phù hợp mới tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Thực tiễn nước ta những năm qua là bằng chứng rõ ràng cho mối quan hệ này. Do CSXH đi sau so với chính sách kinh tế, nhiều vấn đề xã hội nảy sinh không được giải quyết kịp thời không những làm suy thoái tư tưởng, đạo đức xã hội mà còn kìm hãm sự phát triển của kinh tế nước ta. Chẳng hạn, chính sách tiền lương không đúng, thu nhập ngoài lương của công chức hành chính lớn hơn nhiều lần so với tiền lương được cơ quan nhà nước chi trả, dẫn đến tình trạng méo mó trong việc ra các quyết định phát triển kinh tế và xã hội. Một loạt những khoản thu nhập ngoài lương mà các nhà nghiên cứu và quản lý chỉ ra như trong hộp 1 trên đây là minh chứng rõ ràng. Chúng tôi cho rằng, đây là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến tình trạng “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2012). Hậu quả là dẫn đến những quyết định không đúng, không hiệu quả trong lĩnh vực phát triển kinh tế.

Từ đó có thể nói, giữa hệ thống CSXH với các hệ thống chính sách khác có mối tác động qua lại quyết định lẫn nhau, không thể coi nặng hệ thống chính sách nào hơn hệ thống chính sách nào. Có như thế mới thực hiện được tư tưởng “kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm ASXH, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc” như văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

XI đã chỉ ra. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011)

**Thứ hai**, trên cơ sở nhận thức đúng vị trí vai trò của hệ thống CSXH, cần nghiên cứu, ban hành đồng bộ hệ thống CSXH, trong đó chúng tôi cho rằng tập trung cải cách căn bản chính sách tiền lương công chức hành chính, xây dựng Luật tiền lương công chức hành chính là điểm mấu chốt để giải quyết những ách tắc trong quản lý kinh tế xã hội, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc như suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự, kỷ cương xã hội, để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, để đẩy mạnh cải cách hành chính, để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí... Nói cách khác cải cách căn bản chính sách tiền lương công chức hành chính đó là điểm mấu chốt để “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

**Thứ ba**, đồng thời với cải cách căn bản chính sách tiền lương, cần tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống luật pháp làm cơ sở cho quản lý kinh tế và quản lý xã hội; thực hiện đúng nguyên tắc sống và làm việc theo pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, trong lĩnh vực thực thi CSXH nói riêng. Kết hợp ngay từ đầu giữa quy hoạch phát triển kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, phát triển các đô thị với quy hoạch phát triển xã hội như nhà ở, giáo dục, y tế, văn hóa, nước sạch, môi trường sinh thái; tăng cường năng lực và có cơ chế kiểm soát trách nhiệm của bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước; phối hợp chặt chẽ các bộ các ngành, các cấp trong tổ chức thực thi chính sách; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và xử lý nghiêm minh những vi phạm về CSXH.

**Thứ tư**, một mặt tiếp tục tăng đầu tư nguồn lực cho thực hiện các CSXH từ NSNN, mặt khác đổi mới phương thức sử dụng nguồn lực cho CSXH, trước hết là chính sách giảm nghèo, chính sách việc làm, chính sách đào tạo, chính sách y tế, chính sách nhà ở; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực toàn xã hội vào tổ chức, triển khai thực hiện CSXH. Xây dựng cơ chế sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, sao cho với nguồn lực nhất định có thể nâng cao được phúc lợi, thực hiện công bằng và tạo cơ hội cho người dân hòa nhập xã hội tốt nhất. □



### Tài liệu tham khảo:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế xã hội, trọng tâm là thực hiện ba khâu đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng*. Tài liệu gửi kèm công văn số 322-CV/BCS-CLPT ngày 29 tháng 8 năm 2013.
- Mai Ngọc Cường (2013a) *Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Mai Ngọc Cường (2013b) *Chính sách xã hội đối với di dân nông thôn-thành thị ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Dũng (2010), *Cách thức tiếp cận các nguồn thu nhập chính thức và không chính thức của công chức nhằm xây dựng chế độ tiền lương mới*, Kỷ yếu Hội thảo Diễn đàn khoa học và thực tiễn cải cách tiền lương công chức giai đoạn 2011-2020, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam Viện các vấn đề phát triển và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam. Hà Nội tháng 9 năm 2010.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại Hội Đảng lần thứ XI*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa XI*.
- Phạm Minh Đức (2012), *Kết quả điều tra, khảo sát về thu nhập của nông dân trong quá trình CNH, HDH ở Hải Phòng*. Đề tài luận án tiến sỹ, đại học Kinh tế quốc dân.
- Tổng Cục Thống kê (2012), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- Vũ Quốc Tuấn (2010), *Cải cách tiền lương- một nhiệm vụ cấp bách*. Kỷ yếu Hội thảo Diễn đàn khoa học và thực tiễn cải cách tiền lương công chức giai đoạn 2011-2020. Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam Viện các vấn đề phát triển và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam. Hà Nội tháng 9 năm 2010.
- Đề thu hẹp khoảng cách giàu nghèo (2012), truy cập ngày 16 tháng 9 năm 2013, từ [http://mywork.vn/tin-tuc/Cam-nang-Nguoi-tim-viec/de-thu-hep-khoang-cach-giau-ngheo\\_13993.html](http://mywork.vn/tin-tuc/Cam-nang-Nguoi-tim-viec/de-thu-hep-khoang-cach-giau-ngheo_13993.html)

### Some social issues for resolving the relation between economic growth and social progress and equality in Vietnam: facts and recommendations

#### Abstract:

*The paper focuses on the shortcomings in social field such as income gap, social security, employment, basic and personal social service provision, policy for people who have made contribution to the revolution that are hindering the policy for resolving the relation between economic growth and social progress and equality set out in the Document of the Eleventh Vietnam Communist Party Congress.*

### Thông tin tác giả:

\* **Mai Ngọc Cường**, Giáo sư, Tiến sỹ, chuyên ngành Kinh tế chính trị.

- Nơi công tác: Tổng biên tập Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường đại học Kinh tế quốc dân.

- Hướng nghiên cứu kinh tế vĩ mô, tài chính cho giáo dục và khoa học công nghệ, chính sách xã hội.

- Một số tạp chí đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Những vấn đề kinh tế chính trị thế giới, Tạp chí Hoạt động khoa học, Tạp chí Lý luận chính trị.*

Email: [cuong.ktpt@gmail.com](mailto:cuong.ktpt@gmail.com)